

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh xuống dưới ngưỡng 1350 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/7/2021		•	
Tuần 12/7-16/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên sáng nhưng giảm mạnh trong phiên chiều. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy yếu khi chỉ có đúng 1/19 nhóm ngành vận động khả quan. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng mạnh trên cả sàn HSX. Thanh khoản thị trường tăng trở lại và độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực phản ánh tâm lý bi quan của nhà đầu tư. Với xu hướng như trên, VN-Index có thể vận động trong vùng 1320 -1380 điểm trong tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: ITD_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-27.54** điểm, đóng cửa **1,347.14** điểm. HNX-Index **-9.25** điểm, đóng cửa **306.73** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.52)**, **VIB (+0.40)**, **TCB (+0.29)**, **DGC (+0.21)**, **HDG(+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-2.46)**, **VIC (-2.32)**, **VHM (-2.11)**, **HPG(-2.0)**, **NVL(-1.72)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,457** tỷ đồng, **+23.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,115 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 38.78 điểm. Thị trường có **77** mã tăng, 33 mã tham chiều và **306** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **785.85** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (378 tỷ)**, **HPG (180.2 tỷ)** và **VHM (77.4 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7.5** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1347.14**
Giá trị: 23457.87 tỷ **-27.54 (-2%)**
Khối ngoại (ròng): 785.85 tỷ

HNX-INDEX **306.73**
Giá trị: 2908.73 tỷ **-9.25 (-2.93%)**
Khối ngoại (ròng): 7.5 tỷ

UPCOM-INDEX **87.08**
Giá trị: 1536.9 tỷ **-1.41 (-1.59%)**
Khối ngoại (ròng): -0.63988 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	73.5	0.74%
Giá vàng	1,803	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,002	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,237	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	20,903	-0.25%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	14.26%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.63%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	378.0	NVL	-182.9
HPG	180.2	E1VFN30	-67.2
VHM	77.4	VPB	-39.1
STB	62.7	MSB	-24.1
KDH	61.0	FUEVFN	-19.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 9/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.73	-0.65%	-2.40%	3.90%	72.10%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.03	-0.54%	-3.70%	1.70%	60.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	220.34	-0.12%	-1.70%	0.60%	71.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1800.11	-0.20%	1.30%	-4.90%	-0.97%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.96	-0.67%	-0.30%	-6.00%	30.42%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1327.50	0.02%	-5.10%	-7.80%	47.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	621.50	-0.12%	-8.50%	-9.50%	14.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.16	0.23%	-1.90%	-8.70%	3.06%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	197.47	-1.07%	0.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.75	-0.67%	1.20%	-0.10%	46.45%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	149.95	1.25%	-6.40%	-8.40%	37.95%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9455.00	1.54%	0.90%	-4.50%	51.72%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	827.47	0.30%	3.80%	3.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	884.90	1.04%	5.00%	5.20%			
Nhôm	USD/ton	2499.50	-1.21%	-1.00%	3.00%	50.12%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	184.33	-2.48%	1.60%	1.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	130.25	-1.14%	1.10%	16.90%	90.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 1.1 USD xuống, hay1.5%, xuống 73.43 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.17 USD, hay 1.6%, xuống 72.20 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.4% lên 1,804.16 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 cũng tăng 0.4% lên 1,802.10 USD/ounce.
- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm xuống mức thấp nhất trong hơn bốn tháng, sau khi biên bản cuộc họp tháng 6 mà Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) công bố cho thấy các lãnh đạo Fed cảm thấy kinh tế vẫn chưa đạt được mục tiêu tiền bộ đáng kể.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1% lên 1,244 CNY/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 10 tăng 3.3% lên 5,439 CNY (840.99 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 3.8% lên 5,768 CNY/tấn. Giá sắt thép tăng một phần bởi thông tin chính quyền một vài địa phương đã ban hành các văn bản liên quan việc cắt giảm sản lượng thép thô, mặc dù chưa có thông báo chi tiết.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn Osaka giảm 2.8 yên, tương đương 1.3%, xuống 220.9 yên/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải tăng 1.2% lên 13,415 CNY/tấn. Những số liệu chính thức cho thấy đà hồi phục của nền kinh tế Nhật Bản đang bị cản trở bởi sự gia tăng số ca nhiễm Covid-19.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 1.85 cent, tương đương 1.2%, lên 1.4995 USD/lb, chủ yếu do sự gián đoạn xuất khẩu của cả Brazil và Việt Nam do thiếu container. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 23 USD, tương đương 1.4% lên 1,702 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 giảm 5.30 USD, tương đương 1.2% xuống 438.70 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 giảm 0.12 cent, tương đương 0.7%, xuống 17.75 cent/lb. Giá đường giảm do đánh giá mức độ thiệt hại của vụ mùa đường Brazil không nghiêm trọng như dự kiến.

	9/7	% 9/7	8/7	% 8/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1347.14	-2.00%	1374.68	-1.00%	-5.15%	1.07%
S&P 500			4320.82	-0.86%	0.54%	2.23%
HĐTL S&P500	4323.00	0.23%	4312.90	-0.85%	0.28%	2.53%
Shang- hai	3524.09	-0.04%	3525.50	-0.79%	0.15%	-1.56%
Euro Stoxx	4034.18	1.07%	3991.66	-2.13%	-1.23%	-1.53%

Phân tích kỹ thuật
ITD_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: ITD đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá từ đầu năm cho đến nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI đang ở trong vùng quá mua nên cổ phiếu có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của ITD nằm tại khu vực xung quanh 17. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại mức 20.25, cắt lỗ nếu ngưỡng 15.25 bị xuyên thủng.

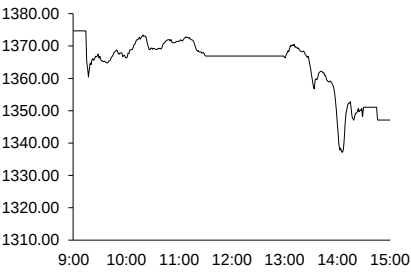
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	1.91%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	-0.34%
Y tế	-0.52%
Truyền thông	-0.65%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.85%
Du lịch và Giải trí	-1.09%
Xây dựng và Vật liệu	-1.29%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.55%
Ngân hàng	-1.59%
Thực phẩm và đồ uống	-1.89%
Bảo hiểm	-2.40%
Bất động sản	-2.59%
Dịch vụ tài chính	-3.11%
Ô tô và phụ tùng	-3.24%
Dầu khí	-3.40%
Tài nguyên Cơ bản	-3.47%
Hóa chất	-4.79%

Hình 1

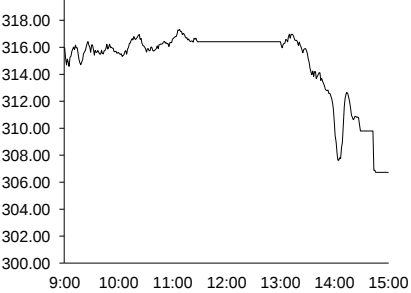
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	45.8	1	4.33%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	176.5	2	6.45%	Có thể tiếp tục mua
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	45	3	-0.88%	Có thể tiếp tục mua
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	22.7	4	-3.81%	Có thể tiếp tục mua
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	37	9	-0.80%	Có thể tiếp tục mua
6/29/2021	VJC	120	132	113	118.9	10	-0.92%	Có thể tiếp tục mua
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	29.5	11	-2.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	75	14	-0.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	31.6	15	-9.20%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	63.8	16	-2.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	29.1	25	7.38%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	25.6	39	-7.25%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

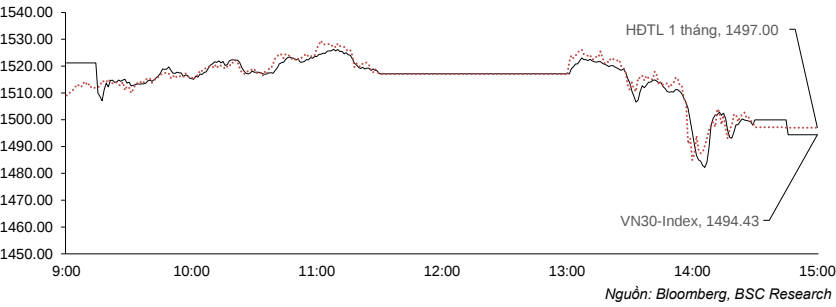
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	SL	26	-4.89%
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	SL	27	-10.21%
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	SL	26	-6.49%
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	FS	25	12.11%
6/3/2021	KSB	26.2	29.51	24.53	SL	33	-6.37%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	9	6.05%	-3.19%	-0.88%	12
Cổ phiếu đã chốt	159	101	13.66%	-7.91%	5.28%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1497.00	-1.06%	2.57	-0.2%	303,744	15/07/2021	6
VN30F2108	1493.90	-0.97%	-0.53	18.7%	1,180	19/08/2021	41
VN30F2109	1482.00	-1.79%	-12.43	167.2%	171	16/09/2021	69
VN30F2112	1482.10	-1.52%	-12.33	9.3%	117	16/12/2021	160

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm mạnh –26.78 điểm, xuống 1494.43 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, NVL, STB, VNM, VIC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng giằng co quanh 1510-1520 điểm, trước khi giảm tiêu cực trong phiên chiều xuống quanh 1490 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2107, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2105	27/08/2021	49	8:1	418,000	32.53%	2,950	5,870	2.98%	5,734	1.02	155,100	131,500	176,500
CPNJ2102	02/08/2021	24	5:1	130,700	30.99%	2,000	5,900	1.72%	5,150	1.15	90,000	80,000	105,500
CMWG2102	02/08/2021	24	5:1	200,600	32.53%	3,000	10,620	1.24%	11,375	0.93	135,000	120,000	176,500
CTCB2103	09/08/2021	31	2:1	978,400	38.80%	2,900	10,760	0.84%	10,621	1.01	41,300	35,500	56,600
CNVL2102	27/09/2021	80	16:1	465,800	35.08%	1,100	3,250	0.62%	60	54.61	107,608	94,636	103,500
CTCB2101	05/10/2021	88	1:1	152,900	38.80%	5,000	26,400	0.42%	25,954	1.02	36,000	31,000	56,600
CTCB2104	27/08/2021	49	2:1	133,500	38.80%	2,000	8,020	0.12%	5,643	1.42	49,800	45,800	56,600
CMWG2104	22/03/2022	256	10:1	100,000	32.53%	2,400	7,000	-0.71%	4,871	1.44	159,000	135,000	176,500
CPDR2101	27/09/2021	80	5:1	132,600	38.16%	1,100	3,900	-1.27%	1,739	2.24	94,388	88,888	94,400
CMSN2103	13/08/2021	35	6:1	151,000	38.20%	3,000	6,200	-1.59%	4,888	1.27	106,000	88,000	116,900
CVPB2015	30/07/2021	21	1:1	35,800	37.85%	5,600	42,800	-1.86%	42,871	1.00	31,600	26,000	68,800
CTCB2012	30/07/2021	21	1:1	48,400	38.80%	5,400	34,900	-1.88%	34,660	1.01	27,400	22,000	56,600
CSTB2103	09/08/2021	31	2:1	195,700	45.87%	1,400	6,700	-4.29%	5,586	1.20	20,800	18,000	29,100
CVPB2103	09/08/2021	31	2:1	74,800	37.85%	2,700	15,960	-4.60%	16,223	0.98	41,900	36,500	68,800
CSTB2104	27/08/2021	49	1:1	76,500	45.87%	4,000	9,500	-6.03%	6,483	1.47	26,900	22,900	29,100
CHPG2105	09/08/2021	31	2:1	104,300	37.78%	3,000	13,320	-8.14%	2,897	4.60	48,000	42,000	47,300
CHPG2106	27/08/2021	49	2:1	53,000	37.78%	4,100	11,000	-8.33%	793	13.88	42,937	36,908	47,300
CHPG2108	12/08/2021	34	5:1	435,900	37.78%	1,200	3,500	-9.56%	12	292.40	48,124	43,713	47,300
CHPG2107	12/08/2021	34	5:1	142,300	37.78%	1,300	3,590	-9.57%	12	290.22	48,463	43,684	47,300
CVRE2013	30/07/2021	21	1:1	295,300	38.25%	5,000	2,900	-17.38%	1,327	2.18	32,500	27,500	28,000
Tổng				3,907,500	37.85%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 9/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

• CVRE2013 và CVRE2104 giảm mạnh lần lượt là -17.38% và -14.29%. Giá trị giao dịch tăng 25.15%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 25.63% thị trường.

• CMWG2102, CVPB2103, CVPB2015, CTCB2103 và CTCB2012 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2015, CHPG2101, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	176.5	2.3%	0.9	3,647	7.8	9,051	19.5	4.9	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	105.5	-0.1%	1.0	1,043	4.9	4,974	21.2	4.2	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	53.1	-3.3%	1.5	1,714	2.4	2,548	20.8	1.9	27.0%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	38.0	-2.6%	0.4	369	0.1	3,809	10.0	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	108.6	-2.2%	0.7	15,971	8.5	2,174	49.9	4.6	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	28.0	-6.4%	1.1	2,766	6.3	1,175	23.8	2.1	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	112.5	-2.2%	1.0	16,090	19.3	7,874	14.3	4.1	23.0%	33.6%
DXG	Bất động sản	23.0	0.2%	1.3	518	6.4	(61)		1.8	27.0%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	52.6	-3.3%	1.5	1,498	32.0	2,776	19.0	3.0	47.1%	16.2%
VCI	Chứng khoán	55.0	1.3%	1.0	796	6.5	2,851	19.3	3.7	20.9%	22.1%
HCM	Chứng khoán	48.1	-4.9%	1.6	638	15.8	2,462	19.5	3.1	47.9%	16.4%
FPT	Công nghệ	89.7	-0.1%	0.9	3,539	11.6	4,103	21.9	4.9	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	78.2	0.6%	0.4	1,116	0.0	4,304	18.2	5.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	91.7	-1.4%	1.3	7,631	4.4	3,946	23.2	3.5	2.8%	14.9%
PLX	Dầu khí	50.8	-2.9%	1.5	2,747	5.6	2,915	17.4	2.7	17.2%	16.8%
PVS	Dầu khí	23.4	-5.6%	1.7	486	15.0	1,375	17.0	0.9	8.0%	5.4%
BSR	Dầu khí	17.3	-5.5%	0.8	2,332	14.0	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.3	-0.6%	0.4	530	0.0	5,647	16.5	3.2	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	20.4	-1.7%	0.7	347	1.3	1,928	10.6	1.0	13.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.1	-3.4%	0.6	392	2.5	1,122	15.2	1.4	2.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	109.8	-1.1%	1.1	17,706	13.9	5,709	19.2	4.0	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	44.9	-2.0%	1.3	7,852	7.0	2,048	21.9	2.3	16.6%	10.6%
CTG	Ngân hàng	37.6	-2.6%	1.3	7,856	30.3	3,692	10.2	2.0	24.8%	20.9%
VPB	Ngân hàng	68.8	-0.7%	1.2	7,343	63.6	4,626	14.9	3.0	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	41.9	-0.6%	1.2	5,093	69.6	3,612	11.6	2.3	21.1%	21.6%
ACB	Ngân hàng	35.2	-2.8%	1.0	4,135	17.6	3,194	11.0	2.5	37.5%	25.6%
BMP	Nhựa	57.0	-0.3%	0.7	203	0.2	6,160	9.3	2.0	83.2%	20.3%
NTP	Nhựa	51.0	1.6%	0.5	261	0.2	3,988	12.8	2.2	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	18.6	-3.1%	0.7	889	0.5	39	476.9	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.3	-3.5%	1.1	9,199	98.1	4,056	11.7	3.2	26.3%	31.3%
HSG	Thép	35.5	-4.4%	1.4	754	24.8	4,914	7.2	2.1	9.2%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	87.0	-1.6%	0.7	7,905	11.6	4,682	18.6	5.8	54.9%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	160.0	-1.5%	0.8	4,461	0.4	7,561	21.2	5.2	62.8%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	116.9	-2.4%	1.0	6,000	11.2	1,281	91.3	8.5	33.1%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	18.1	-6.2%	1.2	486	3.1	1,131	16.0	1.4	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	75.0	-3.0%	0.8	7,099	0.6	577	130.0	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	118.9	-1.2%	1.1	2,800	3.3	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	26.1	-0.8%	1.7	1,609	0.6	(9,327)		25.7	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	40.0	-4.4%	1.0	524	5.9	1,246	32.1	2.0	41.3%	6.2%
PVT	Vận tải	17.6	-5.1%	1.3	248	3.6	2,281	7.7	1.1	13.3%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	108.4	0.0%	0.9	754	0.9	8,479	12.8	4.1	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.5	1.4%	0.4	575	0.5	1,604	18.4	2.0	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-0.3%	0.9	251	0.3	1,566	9.7	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	63.8	1.4%	1.1	206	1.6	3,352	19.0	0.6	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	17.2	-2.8%	0.5	179	1.9	56	309.1	0.9	22.1%	0.2%
REE	Điện	52.9	-0.2%	-1.4	711	1.8	5,770	9.2	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.6	0.0%	-0.4	213	1.2	2,371	10.8	1.2	9.9%	13.2%
POW	Điện	10.8	-4.8%	0.6	1,100	6.2	1,037	10.4	0.9	2.9%	8.6%
NT2	Điện	19.4	-2.3%	0.5	243	0.3	1,872	10.4	1.4	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	32.2	-6.5%	1.0	658	22.0	1,639	19.7	1.5	19.2%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	53.5	0%	0.9	2,408	0.0			3.4	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	176.50	2.32	0.52	1.01MLN
VIB	52.40	1.95	0.30	6.02MLN
DGC	87.90	5.27	0.21	2.14MLN
HDG	45.80	4.33	0.08	4.38MLN
VGC	29.50	1.37	0.05	361300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	-0.01	-2.57	9.41MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-2.29	3.90MLN	607060
VIC	0.00	-2.22	1.79MLN	373600
NVL	-0.01	-2.16	4.81MLN	192700
HPG	0.00	-2.08	46.89MLN	611640

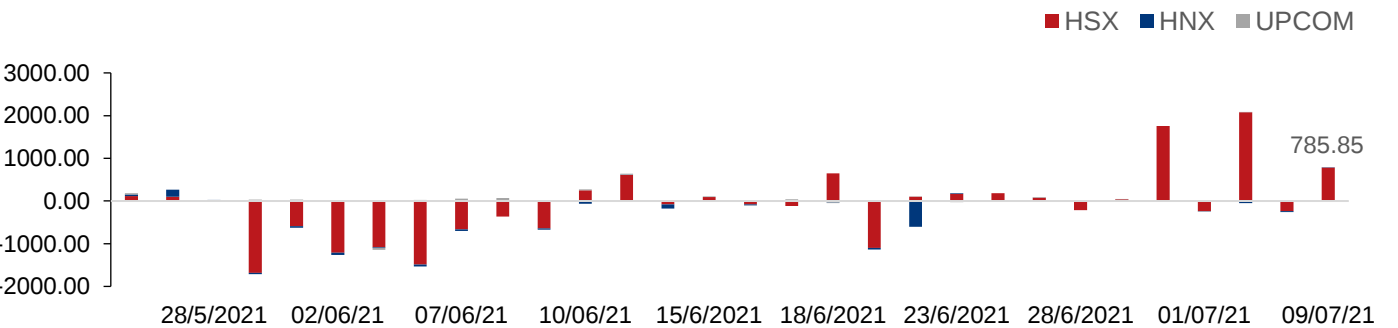
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSL	7.21	6.97	0.00	673800.00
CIG	7.56	6.93	0.00	53100
HID	6.52	6.89	0.01	2.31MLN
ABS	22.80	6.79	0.03	419900
MHC	11.20	6.67	0.01	2.40MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	5.19	-6.99	-0.06	32.83MLN
HVH	9.49	-6.96	-0.01	570800
CTS	21.40	-6.96	-0.05	2.05MLN
DRH	9.26	-6.93	-0.01	922100
SCR	9.40	-6.93	-0.07	10.05MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.2	3,194	11.0	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	75.0	577	130.0	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.9	600	14.8	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.5	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.6	3,834	7.5	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	37.6	3,692	10.2	2.0	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.1	1122.1	15.2	1.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	87.9	5,505	16.0	3.6	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	144.9	7,653	18.9	4.9	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.4	1,928	10.6	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	27.5	2,379	11.6	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	23.0	-61		1.8	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	89.7	4,103	21.9	4.9	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	31.6	1,091	29.0	2.6	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	45.8	7,082	6.5	2.1	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.3	4,056	11.7	3.2	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	35.5	4,914	7.2	2.1	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.2	1,566	9.7	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.3	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.2	1,639	19.7	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.6	1,946	18.8	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	28.9			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.9	3,258	11.3	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	56.2	5,257	10.7	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	116.9	1,281	91.3	8.5	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	176.5	9,051	19.5	4.9	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.0	4,008	9.5	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.9	2,120	11.7	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	105.5	4,974	21.2	4.2	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.8	1,037	10.4	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.5	0	120.6	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.4	1,375	17.0	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	160.0	7,561	21.2	5.2	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.1	1,131	16.0	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	36.0	8272.5	4.4	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	56.6	4,074	13.9	2.5	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	109.8	5,709	19.2	4.0	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.9	4,166	10.8	2.4	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	16.4	570	28.8	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	39.3	3,837	10.2	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	112.5	7,874	14.3	4.1	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.0	4,682	18.6	5.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	68.8	4,626	14.9	3.0	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.0	1,175	23.8	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.0	3,256	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639